

Bản án số: 43/2020/DS-ST
Ngày 12 - 6 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐĂM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đăm Dơi.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T .

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường , quận , Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc S).

Ông Diệp Lâm Kỳ P - Giám đốc Chi nhánh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của bà D (Văn bản ủy quyền số 3977/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019).

Bà Trương Yên N – Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng, phòng kiểm soát rủi ro, chi nhánh tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền của ông Diệp Lâm Kỳ Phương (Văn bản ủy quyền số 176/2020/UQ-CNCM ngày 02/3/2020). (có mặt)

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc T , sinh năm 1985

Cứ trú tại: ấp B, xã Quách C, huyện Đăm D , tỉnh C. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2020 của nguyên đơn và tại

phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trương Yến N trình bày:

Ngày 02/02/2018, chị Trần Ngọc T ký giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T C (gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của chị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng tổng hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng cho chị T, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng JCB với số tiền 50.217.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị T đã thanh toán thẻ tín dụng cho Ngân hàng số tiền 5.600.000 đồng (thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T không có thiện chí trả nợ. Do chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 01/9/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 12/6/2020, chị Trần Ngọc T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền đối với hợp đồng thẻ tín dụng là 100.262.798 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Ngọc T trả tổng số tiền 100.262.798 đồng (trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.508.532 đồng, lãi quá hạn là 16.754.266 đồng). Đồng thời chị T phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 13/6/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với bị đơn chị Trần Ngọc T: Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định pháp luật, nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, Ngày 16/02/2018 Ngân hàng mở thẻ tín dụng cho chị T hạn mức 50.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị T trả nợ không đúng thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T trả số tiền vốn vay và tiền lãi còn thiếu. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ 100.262.798 đồng (trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.508.532 đồng, lãi quá hạn là

16.754.266 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/02/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/02/2018 chị T có đề nghị Ngân hàng mở thẻ tín dụng JCB cho chị T, đến ngày 16/02/2018 Ngân hàng cấp thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng cho chị T. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng này được hai bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội, tuân thủ về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có mọi quyền, nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện giao dịch trên thẻ JCB, chị T giao dịch với số tiền 50.217.000 đồng và đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.600.000 đồng.

Sau đó chị T không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Phía Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần, nhưng chị T không thanh toán nợ theo thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 02/02/2018, nên chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cũng như, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự: *“...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết...mà bên đương sự đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...”*. Viện dẫn theo điều luật trên, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T, nhưng chị T không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ đối với yêu cầu của Ngân hàng nên chị T phải chịu thiệt hại về sự vắng mặt của mình.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, buộc chị Trần Ngọc T trả tổng số tiền 100.262.798 đồng (trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.508.532 đồng, lãi quá hạn là 16.754.266 đồng).

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định của hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của Ngân hàng phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“...bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận...”*. Do đó, chị T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 5.013.140 đồng. (100.262.798 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2019 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S .

1. Buộc chị Trần Ngọc T trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm các khoản sau:

Tổng số tiền là 100.262.798 đồng (một trăm triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng) trong đó vốn là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 33.508.532 đồng, lãi quá hạn là 16.754.266 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/6/2020) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng 2.322.000 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0010457 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Chị Trần Ngọc T phải chịu 5.013.140 đồng (năm triệu không trăm mười ba ngàn một trăm bốn mươi đồng) chị T chưa nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Giang Nam